

Bản án số: 20/2018/DS-PT
Ngày: 17-01-2018
V/v Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ.

Ông Trần Phước Hội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Lê Minh Bằng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2017/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2017, về việc “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2017/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 389/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vũ Thị Tố O, sinh năm 1986;

Địa chỉ: đường T, Khóm 5, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị O là bà Trịnh Thị , sinh năm 1961 (có mặt).

Tạm trú: Ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khóm 1, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H là chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1987 (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1987 (Vợ anh H) (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Nguyễn Thị P, sinh năm 1969 (có mặt);

3.3 Châu Văn C, sinh năm 1970 (Chồng chị P);

3.4 Châu Thị Thúy N, sinh năm 1992 (con chị P);

3.5 Châu Mỹ H, sinh năm 1996 (con chị P);

Người đại diện theo ủy quyền của anh C, chị N, chị H là chị Nguyễn Thị P.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã An B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.6 Võ Thanh H1, sinh năm 1964 (vắng mặt);

3.7 Dương Thị X, sinh năm 1965 (vắng mặt);

3.8 Võ Văn H, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.9 Ủy ban nhân dân huyện C;

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện C là ông Nguyễn Hồng S, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hồng S là ông Lê Chí T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (Giấy ủy quyền ngày 11/01/2018). (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Vũ Thị Tố O, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thị Kiều T - là nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Vũ Thị Tố O có bà Trịnh Thị C là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 30/01/2015, chị O có nhận chuyển nhượng 614m² đất (ngang 10m, dài 61,4m) của hộ bà Nguyễn Thị P (thực tế là mua 500m², ngang 10m, dài 50m); tại thửa số 228, tờ bản đồ số 12, loại đất thổ (theo bản đồ lưới tọa độ). Chị O được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 491658 số quản lý 00712; cấp cho cá nhân chị O. Hiện phần đất này giáp với hộ của anh Nguyễn Ngọc H.

Ngày 20/4/2015, chị O làm thủ tục xin phép cất nhà cấp 4, khi thợ khởi công xây cất thì anh H tranh chấp, không cho thợ thi công vì cho rằng đất của anh H mua trước đây chiều ngang phía trước là 05m nhưng cất nhà có 4,9m còn phía sau còn ranh ngay trụ đá. Anh H mua đất có cất nhà sẵn, mặt khác, trước khi mua đất của bà P chị O có hỏi anh H là ranh đất giữa anh H và bà P có tranh chấp không, anh H trả lời là không có vấn đề gì. Khi địa chính xã xuống đo đạc thì anh H yêu cầu đo theo yêu cầu của anh H và phát sinh tranh chấp chiều ngang mặt tiền giáp lộ chẵn nuôi là 0,1m, đoạn giữa 0,7m, phía sau hậu 01m giáp trụ đá, chiều dài 50m. Tổng diện tích khoảng 25m². Sự việc được hòa giải tại ủy ban nhân dân xã nhưng không thành.

Khi chị O nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà P thì địa chính xã không có tiến hành đo đạc cụ thể mà chỉ làm thủ tục chuyển nhượng sang tên trên giấy tờ. Khi chị O mua đất thì trụ đá phía sau hậu đã có rồi, nhưng không biết ai cắm trụ đá này, bà P cũng như anh H cho rằng trụ đá này cắm để cho biết là để biết chiều dài của phần đất này đến đâu thôi. Bà P (chủ đất trước) cũng cho rằng trước khi anh H mua đất của ông H1 thì chưa có trụ đá đó, sau khi anh H mua đất của ông H1 thì anh H mới cắm trụ đá đó, bà không biết, bà không có ký giáp ranh.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị O với hộ bà Nguyễn Thị P, thì chị O không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Chị O yêu cầu xác định ranh đất giữa đất của chị O (thuộc thửa 228) với đất của anh H và chị T (thuộc thửa 327) là từ mốc 20 đến mốc 18 đến mốc 13 và đến mốc 6.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kiều Tr đồng thời chị Tr cũng là người đại diện theo ủy quyền của anh H trình bày:

Vào năm 2008, anh H có mua căn nhà của ông Võ Thanh H1 với diện tích đất ngang 05m, dài 50m, diện tích là $250m^2$, loại đất thổ cư, được ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL581985, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, giáp ranh với đất của chị O hiện nay mà trước đây là của bà P. Sau khi anh mua đất thì có mời địa chính xã và huyện cắm trụ đá làm mốc ranh giới ở phía sau (vào năm 2003) khi đó có anh L, anh Năm S, chị Dương Thị H và ông Hai M chỉ ranh đất, đến nay trụ đá vẫn còn. Khi anh mua đất thì bà P không có ý kiến gì đối với ranh đất. Sau khi bà P chuyển nhượng đất cho chị O (năm 2015) thì chị O mới cho rằng anh lấn đất của chị O. Trước khi mua đất của ông H1 thì ông H1 đã xây dựng sẵn căn nhà cấp 4, diện tích ngang 4,9m, dài 25m, phần sau hậu thì bỏ trống. Ông H1 nói căn nhà này lệch qua nhà của ông P là 0,7m, sau này khi nào ông P1 làm nhà thì anh H phải di dời nhà để trả đất cho ông P1. Khi bà P chuyển nhượng phần đất kế bên nhà anh cho chị O thì việc chuyển nhượng đất giữa các bên anh không biết mà nay theo anh thì các hộ liền kề phía bên nhà chị O khi xây dựng nhà có lấn qua phần đất của chị O. Như vậy, chị O yêu cầu xác định ranh đất như vậy là không hợp lý.

Vào ngày 25/01/2016 anh H có làm đơn phản tố yêu cầu chị O trả lại cho anh diện tích đất đã lấn chiếm của anh là $21,2m^2$. Ngày 08/3/2016, anh bổ sung yêu cầu, anh yêu cầu chị O trả cho anh diện tích đất đã lấn chiếm là $36,3m^2$.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở giữa anh với hộ ông Võ Thanh H1, anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Nay, chị O và anh H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị O và yêu cầu chị O trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm diện tích là $36,3m^2$, theo sơ đồ đo đạc ngày 03/12/2015 của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị P trình bày:

Phần đất của bà trước khi chuyển nhượng cho chị O có chiều ngang 10m, dài 50m; trụ đá phía sau giáp với anh H do ai cắm thì bà không biết. Trước khi làm thủ tục sang tên cho chị O, bà có hứa chừa cho anh H phần đất giáp ranh là 0,1m kéo dài cặp theo vách nhà của anh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C trình bày: Vào ngày 13/4/2016, Ủy ban nhân dân huyện C có công văn gửi cho Tòa án về việc cung cấp thông tin. Ủy ban nhân dân huyện C không có ý kiến bổ sung, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2017/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Tố O; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Ngọc H.

- Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của chị Vũ Thị Tố O (thuộc thửa 228) với đất của anh Nguyễn Ngọc H, chị Nguyễn Thị Kiều T (thuộc thửa 327), cùng tờ bản đồ số 12, tại ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp được xác định là từ mốc 21-13-23 theo sơ đồ đo đạc điều chỉnh ngày 27/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất.

Các bên phải có nghĩa vụ tháo dỡ di dời các cây trồng, vật kiến trúc trên đất (nếu có, được xác định tại thời điểm thi hành án) trên phần đất đã được xác định thuộc phần đất của phía bên kia.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- + Chị Vũ Thị Tố O phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào các số tiền đã nộp tạm ứng là 313.000đ và 300.000đ theo các biên lai thu số 032868 ngày 05/10/2015 và 12950 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Chị O được nhận lại 313.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

- + Anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 855.000đ nhưng được khấu trừ vào các số tiền đã nộp tạm ứng là 265.000đ và 190.000đ theo các biên lai số 037570 ngày 03/02/2016 và 037690 ngày 14/3/2016 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh H và chị T còn phải nộp tiếp 400.000đ án phí.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: phía chị Vũ Thị Tố O và phía anh Nguyễn Ngọc H, chị Nguyễn Thị Kiều T mỗi bên phải chịu 1/2 tổng chi phí, là $1.275.000\text{đ}/2 = 637.500\text{đ}$. Do phía chị Oanh đã nộp tạm ứng và đã chi xong nên phía anh H, chị T phải nộp 637.500đ để trả lại cho chị O.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2017 bị đơn Nguyễn Ngọc H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 73/2017/DSST-ST, ngày 30 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Ngày 13/10/2017 nguyên đơn Vũ Thị Tố O kháng cáo yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất của chị với đất anh H, chị T theo các mốc 20, 18, 13, 23 (theo bản đồ tranh chấp giữa chị O và anh H).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn Vũ Thị Tố O giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu xác định ranh đất tại các mốc số 10, 20, 18, 13 và 23.

- Bị đơn Nguyễn Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều T rút lại yêu cầu hủy án sơ thẩm và yêu cầu xét xử lại xác định ranh theo các mốc 11, 13 và 5.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tham gia của các đương sự đều thực hiện đúng quy định pháp luật; về nội dung đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Oanh, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Hiếu, chị Trang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ủy ban nhân dân huyện C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông H1 cùng các thành viên trong hộ ông H1 vắng mặt, nhưng hộ ông H1 thật sự không có quyền, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án, các nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu xét xử phúc thẩm vắng mặt họ. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp pháp luật.

[2]. Đường ranh đất tranh chấp giữa các bên nguyên đơn với bị đơn được xác định là đường ranh giới chiều dài giữa thửa đất số 228 của bà O với thửa

327 của vợ chồng anh H, chị T, cùng tờ bản đồ số 12, tại ấp An Định, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, các thửa đất đều đã được cấp giấy CN.QSDD hợp pháp. Đất của bà O là nhận nhượng của bà P ngày 20/4/2015 trọn thửa 228 = 614m² theo giấy bà P, sau đó điều chỉnh cấp giấy bà O 500m², làm thủ tục chuyển quyền không đo thực tế, không cắm ranh giao đất với các chủ sử dụng liền kề. Đất ông H nhận nhượng của ông H1 ngày 01/4/2008 trọn thửa 327 = 250 m², anh H và chị T đã chuyển quyền được cấp giấy ngày 18/8/2008, thủ tục không đo đạc, sau khi mua 2 bên có xác định trụ đá làm mốc giới theo kích thước thỏa thuận 5x50m phía giáp đất bà P, phía còn lại giáp ông P1 thì lấy ranh theo hiện trạng nhà có sẵn của ông H1 (góc nhà sau có lệch về bên đất ông P1, khi nào ông P1 có nhu cầu sử dụng thì anh H thu xếp lại góc nhà cho ranh theo đường thẳng).

[3]. Theo hồ sơ quản lý nhà nước về đất đai thể hiện trích lục bản đồ địa chính thì đường ranh giữa đất ông H thửa 327 với đất bà P (nay là bà O) thửa 228 là đường thẳng và đều được cấp giấy CN.QSDD đến mí lộ nhựa.

[4]. Qua xem xét hiện trạng sử dụng và yêu cầu của các bên thể hiện trên Bản đồ đo đạc kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án sơ thẩm thì: Số đo bề ngang trước, ngang sau của 2 thửa đất của 2 bên đương sự đều thiếu so với kích thước giao kết khi nhận chuyển nhượng và một phần yêu cầu của chị O được Tòa sơ thẩm chấp nhận tại mốc số 21, 13 và 23 là không hết chiều dài đường ranh và tạo thành đường ranh gãy khúc là không có cơ sở, không phù hợp. Tuy rằng đoạn dài từ mốc 21 đến mí lộ nhựa là phạm vi đất bảo vệ hành lang lộ giới theo quy định chung, nhưng Nhà nước đã cấp QSDD chung trong thửa đất của các đương sự, các đương sự có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo pháp luật và hiện trạng cũng do các đương sự sử dụng và có tranh chấp, nên việc giải quyết tranh chấp phải giải quyết đến mí lộ nhựa mới dứt điểm và toàn diện.

[5]. Trên cơ sở hồ sơ quản lý nhà nước về đất đai, diễn biến chuyển dịch và hiện trạng sử dụng chứng minh đường ranh giữa đất chị O với đất anh H, chị T đã có đủ căn cứ xác định: Tại mốc số 11, vị trí này là tại mí lộ nhựa, thẳng hàng tương ứng mép trụ bê tông hàng rào (mốc số 12) của chị O do chị O xây dựng, cách tường nhà anh H hơn 09cm phù hợp với lời khai thừa nhận của bà P khi nhượng đất cho chị O bà P có hứa chừa cho anh H 1 tấc cách vách nhà và tại

mốc số 23 là phù hợp, vì bề ngang phía sau đất này của hai bên đều là đất trống, tuy ông H1 giao cho anh H mốc giới tại trụ đá số 5 là trụ có sẵn, nhưng bà P không có mặt, nay bà P không thừa nhận mốc số 5 này và theo mốc số 5 thì đất anh H đủ 5m, đất bà P (nay là của chị O) có số đo bề ngang 9,39m, thiếu mất đi 61cm, như vậy, số thiếu 61cm này chính là phần tranh chấp giữa các bên, sơ thẩm xử chia đôi lấy mốc M23 làm ranh là có cơ sở đúng cần giữ nguyên và theo lời thừa nhận của anh H, cũng như chị O, khi nhận nhượng đất của chủ cũ giao kết theo kích thước chiều ngang và chiều dài tạo nên khuôn viên đất hình chữ nhật, như vậy thửa đất của các bên đương nhiên đều có các cạnh ngang và dài đều là đường thẳng, cụ thể như đất của chị O nhận nhượng của bà P theo kích thước chiều ngang 10m, dài 50m thì lẽ đương nhiên số đo chiều ngang mặt tiền mặt hậu đều là 10m, không thể có số đo thứ ba chiều ngang lớn hơn 10m, thì sẽ tạo nên đường ranh chiều dài là đường thẳng, chị P cũng xác định đất chị ranh chiều dài hai bên đều là ranh thẳng. Vậy nên, chị O yêu cầu đất của chị có số đo chiều ngang đoạn giữa lớn hơn, theo mốc số M13, tạo thành đường ranh chiều dài giáp đất anh H là đường gãy khúc lệch về bên đất anh H là không có căn cứ, cần xác định lại cho đúng đường ranh này là đường thẳng mới phù hợp với thực tế và hình thể thửa đất theo bản đồ địa chính, hồ sơ quản lý nhà nước về đất đai và xác lập đường ranh này chỉ cần có 2 mốc giới ở 2 đầu ranh kéo nối lại với nhau thành đường thẳng là đủ, không cần phải có mốc giới thứ ba ở đoạn giữa.

[6]. Tuy án sơ thẩm xử quyết định về đường ranh không chính xác, nhưng đã thu thập tài liệu, chứng cứ đầy đủ, rõ ràng, không vi phạm thủ tục tố tụng nên không có căn cứ hủy án sơ thẩm và tại phiên tòa chị Trang đã thay đổi nội dung kháng cáo, không yêu cầu hủy án sơ thẩm mà yêu cầu sửa án sơ thẩm, xác định lại mốc ranh theo yêu cầu của chị và anh H.

[7]. Ý kiến của Viện kiểm sát phát biểu đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị O, chấp nhận 1 phần kháng cáo của anh H, chị T là có căn cứ chấp nhận.

[8]. Từ những tình tiết, nội dung nhận định trên có đủ cơ sở kết luận: Sơ thẩm xử quyết định đường ranh theo các mốc M21, M13 và M23 là không phù hợp; chị O kháng cáo yêu cầu xác lập ranh theo mốc M10, M20, M18, M13 và M23 là không có căn cứ và anh H, chị T kháng cáo yêu cầu xác lập ranh tại các

mốc số 11,13 và 5 là có một phần căn cứ, nên không chấp nhận kháng cáo của chị O, mà chấp nhận một phần kháng cáo của anh H, chị T phải sửa một phần án sơ thẩm theo hướng đường ranh là đường thẳng từ mốc M11 đến M23 như nhận định trên là phù hợp.

[9]. Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[10]. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 148 và khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 175 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị Tố O; chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị Kiều T.

2. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 73/2017/DS-ST ngày 30/9/2017, của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của chị Vũ Thị Tố O thửa số 228, với đất của anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn thị Kiều T thửa số 327, cùng tờ bản đồ số 12, tại ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, được xác định theo các mốc M11 và M23 theo Bản đồ khu đất tranh chấp giữa bà O với ông H (điều chỉnh ngày 27/9/2017), nối 2 mốc M11 với M23 này lại với nhau thành đường thẳng làm ranh.

4. Ranh giới quyền sử dụng đất đã xác định trên được sử dụng theo chiều thẳng đứng từ mặt đất làm chuẩn lên không gian và xuống lòng đất; các bên đương sự có nghĩa vụ tự di dời các cây trồng, vật kiến trúc của mình vướng vào đường ranh (nếu có).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Vũ Thị Tô O phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào các số tiền đã nộp tạm ứng là 313.000đ và 300.000đ theo các biên lai thu số 032868 ngày 05/10/2015 và 12950 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Chị O được nhận lại 313.000 đồng (Ba trăm mười ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

+ Anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 855.000đ nhưng được khấu trừ vào các số tiền đã nộp tạm ứng là 265.000đ và 190.000đ theo các biên lai số 037570 ngày 03/02/2016 và 037690 ngày 14/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Anh H và chị T còn phải nộp tiếp 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) án phí.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: phía chị Vũ Thị Tô O và phía anh Nguyễn Ngọc H, chị Nguyễn Thị Kiều T mỗi bên phải chịu 1/2 tổng chi phí, là $1.275.000\text{đ}/2 = 637.500\text{đ}$ (Sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Do phía chị O đã nộp tạm ứng và đã chi xong nên phía anh H, chị T phải nộp 637.500đ (Sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) để trả lại cho chị O.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Vũ Thị Tô O không phải chịu, chị O được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 16171 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị Kiều T không phải chịu, anh H và chị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 16167 và số 16168 ngày 13/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- CCTHADS huyện Cao Lãnh;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Phương